

# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

## 1. Sản phẩm và nhận dạng thương hiệu:

### 1) Tên sản phẩm: STONIA TM (đá solid surface)

- Đối tượng sử dụng: Vật liệu xây dựng
- Hạn chế sử dụng sản phẩm: Không đề cập

### 2) Thông tin về nhà sản xuất / nhà cung cấp / nhà phân phối

- Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SNOGEN
- Địa chỉ: 35-1, Haengjung-ri, Kwangduk-myun, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc
- Hotline: 82-41-553-8001
- Người chịu trách nhiệm: Quản lý nhóm R & D: Booki Choi

### 3) Thông tin về nhà cung cấp / nhà phân phối

- Công ty: CÔNG TY TNHH SAMSUNG INTERIOR
- Địa chỉ: 19w Nguyễn Hữu Cảnh, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Hotline: 028 3 7447 333 - 090 2580 097

## 2. Nhận diện sự nguy hại:

### 1) Phân loại GHS của chất:

### 2) Các yếu tố gắn nhãn GHS, bao gồm các thông tin về việc phòng tránh

- Biện báo và ký hiệu:
- Từ ngữ cảnh báo: Không đề cập
- Khuyến cáo nguy hiểm:
- Báo cáo phòng tránh:
  - Nhận xét
  - Điều trị
  - Sản phẩm
  - Xử lý

### 3) Thông tin nguy hiểm khác không có trong phân loại nguy cơ

NFPA: -Sức khỏe: 0, Lửa: 0, Phản ứng: 0

## 3. Thành phần / thông tin về thành phần hoạt chất:

Tên chất	Tên thường dùng	CAS No.	Hàm lượng (%)
Polymethyl Methacrylate		9011-14-7	40-45
Aluminum Hydroxide		21645-51-2	55~60
Chất khác			0.5~1.0

## 4. Các biện pháp hỗ trợ đầu tiên khi gặp sự cố y tế:

### 1) Khi tiếp xúc mắt:

Ngay lập tức rửa mắt với một lượng nước lớn trong vòng ít nhất 15 phút. Những sự can thiệp y tế khác nên được thực hiện bởi bác sĩ chuyên môn.

### 2) Tiếp xúc với da:

- Có thể xảy ra, có thể gây mẫn cảm da.

- Làm sạch da bằng nước khi có dấu hiệu mẫn cảm/dị ứng.
- Có thể nhờ đến sự can thiệp của bác sĩ nếu cần thiết.

**3) Nếu hít phải:**

- Di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Nếu cần thiết, nạn nhân nên được đưa đến khu vực thoáng khí.
- Có thể nhờ đến sự can thiệp của bác sĩ nếu cần thiết.

**4) Nếu nuốt phải: Không đề cập**

**5) Ghi chú cho Bác sĩ:**

Không có thêm thông tin.

**5. Các biện pháp xử lý khi cháy nổ:**

**1) Phương tiện chữa cháy phù hợp (và không phù hợp)**

- o Các phương tiện chữa cháy phù hợp: CO<sub>2</sub>, bột kháng cồn hoặc vôi nước phun
- o Dập tắt bằng cách tách rời chất cháy ra khỏi vùng cháy: Không được khuyến dùng.
- o Đám cháy lớn
  - Sử dụng các chất chữa cháy phun vào theo chiều gió hoặc phun nước.
  - Tùy từng trường hợp sử dụng các phương pháp phòng cháy chữa cháy phù hợp.

**2) Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất**

- o Sản phẩm phân hủy nhiệt
- o Biến thể có thể tạo ra sản phẩm đốt sau: CO<sub>2</sub>, các oxit carbon, hydrocarbon
- Cháy hoặc nổ: Sản phẩm không tự cháy hoặc nổ.

**3) Thiết bị bảo vệ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa:**

- o Cần thiết phải mặc đồ bảo hộ an toàn như quần áo chống cháy, ủng, găng tay, mặt nạ chống khí độc.
- o Dập tắt/giữ khoảng cách an toàn với khu vực cháy.
- o Không được hít chất hoặc vật phẩm đang cháy.
- o Để xử lý nước chữa cháy nên đào mương trữ sẵn nước.
- o Nếu không nguy hiểm, di chuyển bình chứa hóa chất ra khỏi khu vực bị cháy.

**6. Các phương pháp phòng tránh nên áp dụng:**

**1) Phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp:**

- Tránh tiếp xúc với da.
- Nếu rò rỉ, sử dụng thiết bị ngăn chặn/ bảo vệ thích hợp.
- Quần áo bảo hộ chuyên dụng phòng độc được khuyến dùng.

**2) Các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ môi trường**

- Dưới nước: Ngăn chặn sự xâm nhập vào đường thủy, cống rãnh, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế

**3) Các phương pháp thanh lọc và khử độc**

- o Đối với vết tràn nhỏ:
  - Hấp thụ hoặc phủ bằng cát hoặc vật liệu không cháy khác và loại bỏ.
  - Chuyển đến các thùng chứa thích hợp.
  - Sử dụng các công cụ không phát ra tia lửa để thu thập vật liệu hấp thụ.
  - Tất cả các thiết bị được sử dụng khi xử lý sản phẩm phải được nối đất.
- o Đối với vết tràn lớn:
  - Thực hiện cách ly vết lan để xử lý tiếp.
  - Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa.
  - Đưa những người không có liên quan rời khỏi hiện trường.
  - Khi tràn ra số lượng lớn vượt mức kiểm soát, thông báo cho chính quyền trung ương và chính quyền địa phương.

## 7. Xử lý và bảo quản

### 1) Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

- Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khu vực sản phẩm.
- Tránh tiếp xúc với da, mắt và vải.
- Không thở khí / khói / hơi / phun.

### 2) Điều kiện bảo quản an toàn

- Giữ ở dưới 50C tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khu vực sản phẩm.
- Giữ tránh xa thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

### 1) Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

- KOREA TWA: Không đề cập
- ACGIH TWA: Không đề cập
- Chỉ số tiếp xúc sinh học: Không đề cập

### 2) Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

- Cung cấp thiết bị kháng blaster tại hệ thống thông gió nếu có nguy cơ nổ.

### 3) Thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ cơ quan hô hấp: Sử dụng các thiết bị thông gió để giữ không khí tốt ở nơi chế tạo
- Bảo vệ mắt: Đeo kính an toàn.
- Bảo vệ tay: Mang găng tay an toàn.
- Bảo vệ cơ thể: Quần áo an toàn.

## 9. Tính chất lý hóa

- 1) Ngoại hình: Tắm đặc
- 2) Mùi: Không mùi
- 3) Ngưỡng của mùi: Không đề cập
- 4) pH (10% Sol'n, ở 25oC): Không đề cập
- 5) Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: Không đề cập
- 6) Điểm sôi ban đầu và điểm sôi: Không đề cập
- 7) Điểm chớp cháy: Không đề cập
- 8) Tốc độ bay hơi: Không đề cập
- 9) Tính dễ cháy (Solid.Gas): Không đề cập
- 10) Giới hạn dễ cháy trên hoặc dưới hoặc giới hạn nổ: Tùy từng trường hợp.
- 11) Áp suất hơi: Không đề cập
- 12) Độ hòa tan (ies): Không đề cập
- 13) Mật độ hơi: Không đề cập
- 14) Khối lượng riêng: 1.6 ~ 1.8
- 15) hệ số phân chia n-octanol / nước: Không đề cập
- 16) Nhiệt độ đánh lửa tự động: Không đề cập
- 17) Nhiệt độ xuống cấp: Không đề cập
- 18) Độ nhớt: Không đề cập
- 19) Trọng lượng phân tử: Không đề cập

## 10. Ổn định và phản ứng

### 1) Ổn định hóa học

- Ổn định ở nhiệt độ và áp suất cao

### 2) Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

- Không có

### 3) Điều kiện cần tránh

- Tránh axit mạnh, chất tăng tốc oxy hóa.

### 4) Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Có thể tạo ra sản phẩm đốt: Khí kích thích / Chất độc, Ôxít carbon, hydrocarbon.

## 11. Thông tin độc học:

### 1) Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm.

- Thông qua đường hô hấp
  - Tác động ngắn hạn: Không có thông tin
  - Các tác dụng dài hạn: Không có thông tin có sẵn.
- Nuốt phải
  - Tác động ngắn hạn: Không có thông tin.
  - Các tác dụng dài hạn: Không có thông tin có sẵn.
- Tiếp xúc với da
  - Tác động ngắn hạn: Không có thông tin
  - Các tác dụng dài hạn: Không có thông tin có sẵn.

### 2) Trì hoãn do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn, ảnh hưởng cấp tính và mãn tính

- Độc tính cấp tính
  - Oral: Không có
  - Dermal: Không áp dụng
  - Hoạt động: Không áp dụng
- Ăn mòn / kích ứng da: Không kích ứng
- Thiệt hại / kích ứng mắt nghiêm trọng: Không áp dụng
- Chất nhạy cảm hô hấp: Không áp dụng
- Nhạy cảm với da: Không được phân loại
- Chất gây ung thư: Không được phân loại
- KOREAN OCCUPATION SAFETY AND HEALTH ACTS: Không được phân loại
  - IARC: Không được phân loại
  - OSHA: Không được phân loại
  - ACGIH: Không được phân loại
  - NPT: Không được phân loại
  - EU CLP: Không được phân loại
- Khả năng đột biến: Không được phân loại
- Độc tính sinh sản: Không được phân loại
- Độc tính tác động lên cơ quan nội tạng cụ thể (phơi nhiễm lặp lại): Không được phân loại
- Nguy cơ thấm hút: Không áp dụng

## 12. Thông tin tác động sinh thái:

### 1) Độc tính sinh thái dưới nước

- Cá: Không có
- Giáp xác: Không áp dụng
- Tảo: Không có

### 2) Độ bền và độ phân hủy:

- Độ bền: Không áp dụng
- Độ phân hủy: Không áp dụng

### 3) Tiềm năng tích lũy sinh học: Không áp dụng

- Phân hủy sinh học: Không áp dụng

o Tích lũy sinh học: Không áp dụng

**4) Tính cơ động trong đất: Không áp dụng**

**13. Các phương pháp nên áp dụng**

**1) Phương pháp xử lý**

- Không có khuyến cáo đặc biệt nhưng nên cân nhắc chọn phương pháp hợp lý để xử lý chất thải.

**2) Phòng ngừa sự cố**

- Tuân thủ các biện pháp xử lý hợp lý của nhà nước.

**14. Thông tin vận chuyển**

1) Số UN: Không được phân loại

2) Tên vận chuyển đúng của UN: Không được phân loại

3) Cách thức vận chuyển nguy hiểm: Không được phân loại

4) Nhóm đóng gói: Không được phân loại

5) Ô nhiễm biển: Không được liệt kê

6) Phản ứng an toàn đặc biệt cho vận chuyển hoặc biện pháp vận chuyển

o Lịch trình khẩn cấp về hỏa hoạn: Không áp dụng

o Lịch trình khẩn cấp cho sự cố tràn: Không áp dụng

**15. Thông tin cơ quan kiểm soát:**

**1) Hàn Quốc**

- Korea Occupational Safety and Health Regulation : Không đề cập

- Toxic Chemical Control Act. : Không đề cập

- Dangerous Material Safety Management Regulation : Không đề cập

- Waste Control Act : Không đề cập

**2) Phân loại của EU**

- Phân loại: Không đề cập

- Cụm từ rủi ro: Không đề cập

- Các cụm từ an toàn: Không đề cập

**3) Thông tin quản lý Hoa Kỳ**

- OSHA quy định (29CFR1910.119): Không đề cập

- CERCLA 103 quy định (40CFR302.4): Không đề cập

- EPCRA 302 quy định (40CFR355.30): Không đề cập

- EPCRA 304 quy định (40CFR355.40): Không đề cập

- Sara 313 quy định (40CFR372,65): Không đề cập

**16. Thông tin khác**

**1) Tài liệu tham khảo:**

- Korea Occupational Health & Safety Agency: <http://www.kosha.net>

- Korea dangerous material inventory management system( <http://hazmat.nema.go.kr> )

- EPA( <http://cfpub.epa.gov/ecotox> )

- GHS (Global Harmonized System of classification and labeling of chemical)

- International Uniform Chemical Information Database (IUCLID)

- (<http://ecb.jrc.it/esis>)

- NIOSH (The National Institute for Occupational Safety and Health)

- ACGIH (American Conference of Governmental Industrial Hygienists)

- EINECS (European Inventory of Existing Commercial chemical Substances)

**2) Ngày phát hành: 03 tháng 9 năm 2016.**

**3) Revision number and date :**

**4) Thông tin bảng dữ liệu an toàn vật liệu khác: Không đề cập**